

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
XE KHÁCH SÀI GÒN**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN	1-3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4-5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6-8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11-27

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN
39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Hội đồng thành viên hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty TNHH Một Thành viên Xe khách Sài Gòn cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

1. Công ty

Công ty TNHH Một Thành viên Xe khách Sài Gòn ("Công ty") là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH Một thành viên, được thành lập theo quyết định số 1263/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc chuyển từ Công ty nhà nước là Công ty Xe khách Sài Gòn thành Công ty TNHH Một Thành viên Xe khách Sài Gòn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300478044 (giấy phép cũ số 4104000165), đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 6 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 19 tháng 11 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Theo Quyết định số 7164/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH Một thành viên Xe khách Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH Một thành viên thành Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn. Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 1263/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trụ sở của Công ty đặt tại số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh. Hiện tại, văn phòng của Công ty được đặt tại 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, Công ty có 11 địa điểm kinh doanh hạch toán phụ thuộc tập trung tại thành phố Hồ Chí Minh bao gồm:

<u>Xí nghiệp</u>	<u>Địa chỉ</u>
Xí nghiệp sửa chữa ô tô	Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, Tp.HCM
Xí nghiệp Du lịch-Lữ hành (Saigonbus Travel)	Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, Tp.HCM
Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe	Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, Tp.HCM
Xí nghiệp dịch vụ Du lịch Sapaco	Số 500 Nguyễn Đình Chiểu, phường 4, quận 3, Tp.HCM
Xí nghiệp vận tải số 1	Số 343/20 Lạc Long Quân, phường 5, quận 11, Tp.HCM
Xí nghiệp vận tải số 2	Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, Tp.HCM
Xí nghiệp vận tải số 3	Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, Tp.HCM
Xí nghiệp vận tải số 4	Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, Tp.HCM
Xí nghiệp vận tải số 5	Số 439 Phan Văn Trị, phường 5, quận Gò Vấp, Tp.HCM
Xí nghiệp vận tải số 6	Số 343/20 Lạc Long Quân, phường 5, quận 11, Tp.HCM
Xí nghiệp vận tải số 7	Số 343/20 Lạc Long Quân, phường 5, quận 11, Tp.HCM

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng ô tô. Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định. Kinh doanh vận tải khách tuyến liên vận quốc tế. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô. Bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ. Sản xuất: đóng mới, cải tạo và lắp ráp xe ô tô các loại (không sản xuất tại trụ sở; trừ thiết kế phương tiện vận tải). Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế. Xuất nhập khẩu, mua bán xe ô tô, xe tải, rơ móc, linh kiện, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô các loại. Đại lý kinh doanh xăng dầu nhớt. Mua bán mỡ bôi trơn, chất làm sạch động cơ, nhiên liệu khác dùng trong động cơ. Cho thuê kho, bãi đỗ xe, nhà ở, văn phòng (chức năng này không thực hiện đối với nhà đất thuộc Nhà nước chuyển giao tài sản). Giữ xe 2 bánh, 4 bánh. Môi giới bất động sản. Dịch vụ quản lý bất động sản. Dịch vụ nhà đất. Xuất nhập khẩu, mua bán sản phẩm cơ khí, điện – điện tử, nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, công nghệ, máy móc, phụ tùng ngành giao thông vận tải. Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn (không hoạt động tại trụ sở). Tư vấn du học. Tổ chức hội chợ, hội nghị. Đại lý bán vé máy bay, vé tàu lửa, tàu cánh ngầm, vé xe ô tô. Quảng cáo thương mại. Dạy nghề.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN
39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Trong năm 2015, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô;
- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định;
- Kinh doanh vận tải khách tuyến liên vận quốc tế;
- Sản xuất: đóng mới, cải tạo và lắp ráp xe ô tô các loại;
- Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu nhớt;
- Cho thuê kho, bãi đỗ xe, nhà ở, văn phòng;
- Các dịch vụ khác.

2. Các thành viên Hội đồng Thành viên, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Thành viên, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Thành viên

Ông Đoàn Minh Tâm	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tuấn Việt	Thành viên
Ông Phạm Hoàng Hiệp	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Bảy	Thành viên
Bà Trần Tuyết Nhung	Thành viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015)
Ông Nguyễn Hồ Minh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015)

Ban Kiểm soát

Bà Trương Thị Trúc Hương	Kiểm soát viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015)
Bà Đoàn Thị Thanh Nga	Trưởng Ban (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015)
Bà Trần Thị Thanh Trúc	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015)
Ông Võ Nhiên Định	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đoàn Minh Tâm	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tuấn Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồ Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Duy Anh	Phó Tổng Giám đốc

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Minh Tâm	Chủ tịch Hội đồng Thành viên kiêm Tổng Giám đốc
-------------------	---

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN
39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Thành viên



Ông ĐOÀN MINH TÂM

Chủ tịch

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2016

Số : 224/2016/BCKT-HCM.00380

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một Thành viên Xe khách Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một Thành viên Xe khách Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 3 năm 2016, từ trang 6 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, Công ty vẫn chưa có quyết định phê duyệt quỹ lương của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH Một thành viên. Do đó, quỹ lương được trích trong năm 2015 là quỹ lương tạm tính. Nếu quỹ lương được duyệt thay đổi so với quỹ lương tạm tính sẽ làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty dẫn đến lợi nhuận trong năm 2015 sẽ thay đổi theo một khoản tương ứng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một Thành viên Xe khách Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



TRANG ĐẮC NHA
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 2111-2013-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2016

DIỆP QUỐC BÌNH
Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 2200-2013-009-1

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN
39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		108.189.715.040	133.090.321.410
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	31.530.071.248	10.747.609.446
Tiền	111		31.530.071.248	10.747.609.446
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		45.932.080.086	93.809.865.818
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	16.868.216.785	29.262.144.388
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	5.230.857.138	3.735.965.791
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4.1	27.368.663.707	65.241.003.158
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(3.535.657.544)	(4.429.247.519)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.6	26.465.183.243	26.376.054.839
Hàng tồn kho	141		26.465.183.243	26.376.054.839
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.262.380.463	2.156.791.307
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	973.947.005	494.862.566
Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.288.433.458	1.252.776.319
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	-	409.152.422
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN
39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		177.464.890.162	207.320.719.911
Các khoản phải thu dài hạn	210		2.767.608.000	2.952.320.400
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.4.2	2.767.608.000	2.952.320.400
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		142.538.478.021	172.600.951.734
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	142.538.478.021	172.600.951.734
Nguyên giá	222		800.510.602.582	799.044.703.054
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(657.972.124.561)	(626.443.751.320)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		391.356.364	-
Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		391.356.364	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250		31.767.447.777	31.767.447.777
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.9	31.767.447.777	31.767.447.777
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		-	-
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		285.654.605.202	340.411.041.321


CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN
39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

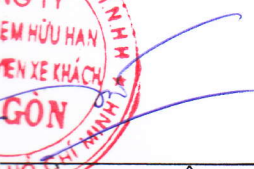
Ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		107.094.347.775	160.685.525.849
Nợ ngắn hạn	310		95.052.906.839	140.567.774.081
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	28.993.075.584	31.214.040.289
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	6.602.779.263	1.190.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	3.363.557.190	3.914.710.401
Phải trả người lao động	314		8.587.989.305	25.293.492.696
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		465.040.935	308.772.690
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		850.909.092	850.909.090
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13.1	897.944.953	2.247.434.768
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14.1	15.771.956.560	46.963.748.461
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.15	29.519.653.957	28.584.665.686
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		12.041.440.936	20.117.751.768
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	850.909.092
Phải trả dài hạn khác	337	5.13.2	2.401.862.600	2.145.120.700
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.14.2	9.616.624.000	15.111.840.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		22.954.336	2.009.881.976
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.16	178.560.257.427	179.725.515.472
Vốn chủ sở hữu	410		178.560.257.427	179.725.515.472
Vốn góp của chủ sở hữu	411		176.147.577.392	176.147.577.392
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.831.476.080	3.577.938.080
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		581.203.955	-
- LNST lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST kỳ này	421b		581.203.955	-
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		285.654.605.202	340.411.041.321


NGUYỄN THỊ VÂN ANH
Người lập biểu


PHẠM THỊ LỆ THU
Kế toán trưởng




ĐOÀN MINH TÂM
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2016

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN
 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		692.085.641.881	645.237.251.620
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	6.1	692.085.641.881	645.237.251.620
Giá vốn hàng bán	11	6.2	619.645.731.119	569.196.969.356
Lợi nhuận gộp	20		72.439.910.762	76.040.282.264
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	696.750.701	1.077.418.873
Chi phí tài chính	22		2.268.044.047	3.323.939.021
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>2.268.044.047</i>	<i>3.323.939.021</i>
Chi phí bán hàng	24	6.4	1.263.810.244	355.277.635
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	62.620.525.328	74.232.358.790
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.984.281.844	(793.874.309)
Thu nhập khác	31	6.6	18.516.729.054	26.403.312.520
Chi phí khác	32	6.7	1.985.020.598	4.257.344.441
Lợi nhuận khác	40		16.531.708.456	22.145.968.079
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23.515.990.300	21.352.093.770
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.8	5.326.164.492	4.795.416.062
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		18.189.825.808	16.556.677.708

ba

h



NGUYỄN THỊ VÂN ANH
 Người lập biểu

PHẠM THỊ LỆ THU
 Kế toán trưởng

ĐOÀN MINH TÂM
 Tổng Giám đốc
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2016

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN
39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	23.515.990.300	21.352.093.770
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	33.919.815.578	64.241.597.039
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	(893.589.975)	301.512.360
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(11.317.600)	(26.104.400)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(554.226.164)	(11.196.271.720)
Chi phí lãi vay	06	2.268.044.047	3.323.939.021
Các khoản điều chỉnh khác	07	(1.986.927.640)	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	56.257.788.546	77.996.766.070
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	47.320.733.899	24.690.812.510
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(89.128.404)	(12.479.589.305)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(16.575.486.804)	15.856.138.663
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(443.699.048)	153.710.972
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.702.000.817)	(2.889.982.251)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.168.951.722)	(5.622.198.505)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	710.364.451
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(16.673.633.582)	(3.153.238.655)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	62.925.622.068	95.262.783.950
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(6.746.130.921)	(829.081.847)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	1.144.545.455	14.004.545.449
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	145.433.101	167.314.474
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.456.152.365)	13.342.778.076
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	106.059.079.020	109.586.226.450
Tiền trả nợ gốc vay	34	(142.746.086.921)	(214.032.955.397)
Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(36.687.007.901)	(104.446.728.947)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	20.782.461.802	4.158.833.079
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	10.747.609.446	6.588.776.367
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	31.530.071.248	10.747.609.446

NGUYỄN THỊ VĂN ANH
Người lập biểu

PHẠM THỊ LÊ THU
Kế toán trưởng



ĐOÀN MINH TÂM
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2016

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN

39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một Thành viên Xe khách Sài Gòn ("Công ty") là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH Một thành viên, được thành lập theo quyết định số 1263/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc chuyển từ Công ty nhà nước Công ty Xe khách Sài Gòn thành Công ty TNHH Một Thành viên Xe khách Sài Gòn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300478044 (giấy phép cũ số 4104000165), đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 6 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 19 tháng 11 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Theo Quyết định số 7164/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH Một thành viên Xe khách Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH Một thành viên thành Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn. Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 1263/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là hoạt động thương mại và dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng ô tô. Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định. Kinh doanh vận tải khách tuyến liên vận quốc tế. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô. Bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ. Sản xuất: đóng mới, cải tạo và lắp ráp xe ô tô các loại (không sản xuất tại trụ sở; trừ thiết kế phương tiện vận tải). Kinh doanh lưu hành nội địa và quốc tế. Xuất nhập khẩu, mua bán xe ô tô, xe tải, rơ móc, linh kiện, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô các loại. Đại lý kinh doanh xăng dầu nhớt. Mua bán mỡ bôi trơn, chất làm sạch động cơ, nhiên liệu khác dùng trong động cơ. Cho thuê kho, bãi đỗ xe, nhà ở, văn phòng (chức năng này không thực hiện đối với nhà đất thuộc Nhà nước chuyển giao tài sản). Giữ xe 2 bánh, 4 bánh. Môi giới bất động sản. Dịch vụ quản lý bất động sản. Dịch vụ nhà đất. Xuất nhập khẩu, mua bán sản phẩm cơ khí, điện – điện tử, nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, công nghệ, máy móc, phụ tùng ngành giao thông vận tải. Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn (không hoạt động tại trụ sở). Tư vấn du học. Tổ chức hội chợ, hội nghị. Đại lý bán vé máy bay, vé tàu lửa, tàu cánh ngầm, vé xe ô tô. Quảng cáo thương mại. Dạy nghề.

Trong năm 2015, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô;
- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định;
- Kinh doanh vận tải khách tuyến liên vận quốc tế;
- Sản xuất: đóng mới, cải tạo và lắp ráp xe ô tô các loại;
- Kinh doanh lưu hành nội địa và quốc tế;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu nhớt;
- Cho thuê kho, bãi đỗ xe, nhà ở, văn phòng;
- Các dịch vụ khác.

1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN

39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

1.5 Cấu trúc của Công ty

Công ty có 11 địa điểm kinh doanh hạch toán phụ thuộc tập trung tại thành phố Hồ Chí Minh bao gồm:

Xí nghiệp

Xí nghiệp sửa chữa ô tô
Xí nghiệp Du lịch-Lữ hành
(Saigonbus Travel)
Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe
Xí nghiệp dịch vụ Du lịch Sapaco
Xí nghiệp vận tải số 1
Xí nghiệp vận tải số 2
Xí nghiệp vận tải số 3
Xí nghiệp vận tải số 4
Xí nghiệp vận tải số 5
Xí nghiệp vận tải số 6
Xí nghiệp vận tải số 7

Địa chỉ

Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, Tp.HCM
Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, Tp.HCM
Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, Tp.HCM
Số 500 Nguyễn Đình Chiểu, phường 4, quận 3, Tp.HCM
Số 343/20 Lạc Long Quân, phường 5, quận 11, Tp.HCM
Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, Tp.HCM
Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, Tp.HCM
Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, Tp.HCM
Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, Tp.HCM
Số 439 Phan Văn Trị, phường 5, quận Gò Vấp, Tp.HCM
Số 343/20 Lạc Long Quân, phường 5, quận 11, Tp.HCM
Số 343/20 Lạc Long Quân, phường 5, quận 11, Tp.HCM

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số 3.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu của năm trước theo Thông tư 200, do vậy, các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.7 Số lượng nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.444 người (vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 1.531 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND").

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 200 thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN

39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm 2015, các nghiệp vụ phát sinh bằng USD được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, số dư các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc là USD được quy đổi ra VND theo tỷ giá của ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) công bố vào ngày này (22.450 VND/USD).

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN

39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và sản phẩm dở dang bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 35 năm
Máy móc thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 - 10 năm
Tài sản cố định khác	4 - 12 năm

4.7 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp giá gốc. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chỉ phản ánh khoản thu nhập được phân chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

4.8 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty với người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ và tài sản đã nhận được từ người bán nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN

39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

4.9 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong kỳ được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động.

Công ty xây dựng kế hoạch quỹ tiền lương người lao động trên cơ sở các chỉ tiêu kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, năng suất lao động bình quân theo chỉ tiêu tổng doanh thu trừ tổng chi phí chưa lương tại Công ty.

4.10 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn

Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn như sau:

- Bảo hiểm xã hội được trích trên tổng quỹ lương cơ bản vào chi phí là 18% và trích từ lương người lao động là 8%.
- Bảo hiểm y tế được trích trên lương cơ bản vào chi phí là 3% và trích từ lương người lao động là 1,5%.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương cơ bản vào chi phí là 1% và trích từ lương người lao động là 1%.
- Ngoài ra, Công ty còn trích kinh phí Công đoàn 2% trên tổng quỹ lương đóng bảo hiểm xã hội.

4.11 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu khoản trợ giá đối với hoạt động xe buýt được điều chỉnh tăng/(giảm) vào doanh thu trợ giá của các năm sau khi có quyết toán chính thức với Trung tâm Quản lý và Điều hành Vận tải Hành khách Công cộng của thành phố.

Doanh thu từ tiền lãi và cổ tức:

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.1 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm.

3.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong kỳ, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất cố hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

Theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 22% trên thu nhập tính thuế kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN
 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuế giá trị gia tăng

Công ty có 2 loại doanh thu đó là doanh thu không chịu thuế giá trị gia tăng (là doanh thu vận chuyển hành khách công cộng và doanh thu trợ giá xe buýt) và doanh thu chịu thuế giá trị gia tăng là doanh thu các hoạt động còn lại.

Thuế giá trị gia tăng đầu vào của Công ty áp dụng theo phương thức khấu trừ thuế đầu vào trên tỉ lệ doanh thu chịu thuế và tổng doanh thu.

3.14 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn-TNHH Một thành viên (Samco)	Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Bến xe Miền Đông	Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Bến bãi Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty cùng tập đoàn
Hội đồng Thành viên, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc		Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	1.998.674.648	2.053.631.718
Tiền gửi ngân hàng - VND (*)	29.531.396.600	8.693.977.728
	31.530.071.248	10.747.609.446

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, số dư tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng để bảo đảm thực hiện hợp đồng và để thực hiện hoạt động du lịch lữ hành quốc tế là 1.873.804.000 VND.

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu bên liên quan		
Samco	707.577.000	783.000.000
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		
Công ty cổ phần DV TM Ô tô Gia Định	2.850.000.000	3.150.000.000
Công ty TNHH vận tải dịch vụ Hòa Phú	-	3.580.000.000
Phải thu khách hàng khác	13.310.639.785	21.749.144.388
	16.868.216.785	29.262.144.388

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN
 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Trả trước bên liên quan		
Samco	-	449.000.000
Trả trước các tổ chức và cá nhân khác		
Công ty TNHH Điện lạnh Minh Tạo	980.420.000	-
Công Ty TNHH May thêu Giày An Phước	-	344.247.946
Công Ty TNHH Giai Minh	-	389.760.000
GLOBAL TRACTORS EXPORT	-	1.177.825.000
Công ty TNHH Nón Xanh	-	823.836.750
Nhà cung cấp khác	4.250.437.138	551.296.095
	5.230.857.138	3.735.965.791

5.4 Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

5.4.1 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu tiền thù lao – Công ty TNHH vận tải ngôi sao Sài Gòn	957.448.800	-	-	-
Phải thu về cổ phần hóa	90.000.000	-	-	-
Phải thu tiền vay hộ	-	-	20.681.633.957	-
Phải thu tiền trợ giá xe buýt	16.832.413.276	-	34.744.941.294	-
Phải thu vé tập	4.447.477.137	-	4.613.519.901	-
Tạm ứng nhân viên	3.482.546.500	-	2.596.503.109	-
Đặt cọc - thuê nhà, bến bãi, khác (*)	797.388.750	-	571.723.750	-
Phải thu khác	761.389.244	-	2.032.679.147	159.159.400
	27.368.663.707	-	65.241.001.158	159.159.400

(*) Trong đó, số dư khoản ký quỹ thuê mặt bằng có gốc ngoại tệ là 9.400,00 USD tương đương 211.030.000 VND.

5.4.2 Các khoản phải thu dài hạn khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký quỹ cho Samco bảo lãnh khoản vay	2.747.608.000	-	2.747.608.000	-
Ký quỹ khác	20.000.000	-	204.712.400	-
	2.767.608.000	-	2.952.320.400	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN
 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.5 Nợ xấu

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng			4.278.163.144	22.510.500
<i>Nợ quá hạn trên 6 tháng đến dưới 1 năm</i>				
Hoạt động vận chuyển hành khách	11.000.000	7.700.000	-	-
<i>Nợ quá hạn trên 1 năm đến dưới 2 năm</i>				
Công ty cổ phần sơn móng tay Duy Tân - Kèm Balli	-	-	45.021.000	22.510.500
Hoạt động vận chuyển hành khách	11.500.000	5.750.000	-	-
<i>Nợ quá hạn trên 2 năm đến dưới 3 năm</i>				
Công ty cổ phần sơn móng tay Duy Tân - Kèm Balli	35.021.000	10.506.300	-	-
Hoạt động vận chuyển hành khách	40.220.000	12.066.000	-	-
<i>Nợ quá hạn trên 3 năm</i>				
Công ty cổ phần DV TM Ô tô Gia Định	2.850.000.000	-	3.150.000.000	-
Công ty TNHH TM DV nhà hàng Kim Thành	483.142.144	-	1.083.142.144	-
Hoạt động vận chuyển hành khách	140.796.700	-	-	-
Phải thu ngắn hạn khác			188.016.700	28.857.300
<i>Nợ quá hạn trên 1 năm đến dưới 2 năm</i>				
Hoạt động vận chuyển hành khách	-	-	47.220.000	23.610.000
<i>Nợ quá hạn trên 2 năm đến dưới 3 năm</i>				
Hoạt động vận chuyển hành khách	-	-	17.491.000	5.247.300
<i>Nợ quá hạn trên 3 năm</i>				
Hoạt động vận chuyển hành khách	-	-	123.305.700	-
Trả trước người bán ngắn hạn			14.435.475	-
<i>Nợ quá hạn trên 3 năm</i>				
Công ty sản xuất kinh doanh dịch vụ 990	-	-	14.435.475	-
	3.571.679.844	36.022.300	4.480.615.319	51.367.800

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi:

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Số dư đầu năm	4.429.247.519	4.127.735.159
Tăng/ (hoàn nhập) dự phòng trong năm	(893.589.975)	301.512.360
Số dư cuối năm	3.535.657.544	4.429.247.519

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	4.558.504.500	-	-	-
Nguyên vật liệu	9.179.294.350	-	9.493.331.975	-
Công cụ dụng cụ	99.417.523	-	823.415.768	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.818.066.828	-	15.498.465.989	-
Thành phẩm	1.200.377.295	-	-	-
Hàng hóa	609.522.747	-	560.841.107	-
	26.465.183.243	-	26.376.054.839	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN
 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Chi phí thuê mặt bằng 325 Phạm Ngũ Lão	-	180.591.000
Phí đường bộ, phí đăng kiểm	152.258.000	277.619.008
Chi phí bảo hiểm	348.413.545	-
Chi phí khác	473.275.460	36.652.558
	973.947.005	494.862.566

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác	Tổng VND
<i>Nguyên giá</i>						
Vào ngày 01/01/2015	111.781.893.709	5.959.403.728	663.087.259.225	16.622.355.639	1.593.790.753	799.044.703.054
Tăng trong năm	1.657.164.921	-	4.531.142.015	33.590.000	116.390.500	6.338.287.436
Tăng khác	19.784.545	-	-	-	-	19.784.545
Phân loại lại	(183.958.001)	-	-	-	183.958.001	-
Giảm do thanh lý	-	-	(2.862.340.613)	(171.411.840)	-	(3.033.752.453)
Giảm theo quyết định Nhà nước (*)	(1.746.462.000)	-	-	-	-	(1.746.462.000)
Giảm khác (**)	-	-	-	-	(111.958.000)	(111.958.000)
Vào ngày 31/12/2015	111.528.423.174	5.959.403.728	664.756.060.627	16.484.533.799	1.782.181.254	800.510.602.582
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>						
Vào ngày 01/01/2015	35.750.312.578	4.123.917.443	578.849.198.090	6.921.847.804	798.475.405	626.443.751.320
Khấu hao trong năm	4.129.302.109	439.927.938	27.260.983.928	1.886.378.391	203.223.212	33.919.815.578
Tăng khác	3.297.424	-	-	-	-	3.297.424
Phân loại lại	(183.958.001)	-	2.675.285.895	(2.488.910.656)	(2.417.238)	-
Giảm do thanh lý	-	-	(2.146.755.312)	(171.411.840)	-	(2.318.167.152)
Giảm khác (**)	-	-	-	-	(76.572.609)	(76.572.609)
Vào ngày 31/12/2015	39.698.954.110	4.563.845.381	603.963.426.706	8.636.814.355	1.109.084.009	657.972.124.561
<i>Giá trị còn lại</i>						
Vào ngày 01/01/2015	76.031.581.131	1.835.486.285	84.238.061.135	9.700.507.835	795.315.348	172.600.951.734
Vào ngày 31/12/2015	71.829.469.064	1.395.558.347	60.792.633.921	7.847.719.444	673.097.245	142.538.478.021

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Vào ngày 01/01/2015	9.629.795.174	2.284.229.807	335.282.759.199	203.240.340	378.613.364	347.778.637.884
Vào ngày 31/12/2015	10.474.454.355	2.751.569.791	411.270.687.625	71.725.500	542.297.440	411.884.710.565

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, giá trị còn lại của nhà cửa vật kiến trúc tại số 171 Điện Biên Phủ, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh và phương tiện vận tải đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay là 35.635.132.533 VND (tại 31 tháng 12 năm 2014 là 47.091.108.410 VND).

(*) Giảm tài sản cố định là đường Phở Quang, Quận Tân Bình theo Công văn số 1825/UBND-ĐTMT ngày 08 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

(**) Phân loại lại theo thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định có hiệu lực từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng từ năm tài chính năm 2013.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN
 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.9 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Đây là khoản đầu tư góp vốn liên doanh vào Công ty TNHH Vận tải Ngôi Sao Sài Gòn theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000042 ngày 05 tháng 3 năm 2007, thay đổi lần thứ 5 ngày 31 tháng 3 năm 2014 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp với thời hạn hoạt động là 25 năm kể từ ngày 14 tháng 12 năm 1993.

Vốn điều lệ: 3.952.650 USD.

Tỷ lệ sở hữu của Công ty TNHH Một Thành viên Xe Khách Sài Gòn là 50%.

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả tổ chức và cá nhân khác				
Công ty CP Xăng dầu khí Sài Gòn	23.082.940.282	23.082.940.282	10.455.596.460	10.455.596.460
Công ty TNHH Ô tô Sao Bắc	-	-	15.474.025.637	15.474.025.637
Nhà cung cấp khác	5.910.135.302	5.910.135.302	5.284.418.192	5.284.418.192
	28.993.075.584	28.993.075.584	31.214.040.289	31.214.040.289

5.11 Người mua trả tiền trước

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Người mua trả tiền trước của các tổ chức và cá nhân khác		
Công Ty TNHH Giao Nhận Hữu Minh	-	1.190.000.000
Công Ty TNHH Nam Mô Tô	3.345.750.000	-
Phải thu khách hàng khác	3.257.029.263	-
	6.602.779.263	1.190.000.000

5.12 Thuế và các khoản phải thu, phải trả Nhà nước

	01/01/2015 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2015 VND
a) Phải thu				
- Thuế thu nhập cá nhân	409.152.422	452.059.725	(42.907.303)	-
	409.152.422	452.059.725	(42.907.303)	-
b) Phải trả				
- Thuế giá trị gia tăng	1.823.523.621	21.775.784.506	(23.599.308.127)	-
- Thuế thu nhập khẩu	-	15.057.598.795	(15.057.598.795)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.980.067.995	5.326.164.492	(4.168.951.722)	3.137.280.765
- Thuế thu nhập cá nhân	-	225.991.225	-	225.991.225
- Thuế khác	111.118.785	1.739.138.122	(1.849.971.707)	285.200
	3.914.710.401	44.124.677.140	(44.675.830.351)	3.363.557.190

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN
 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.13 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn, dài hạn khác

5.13.1 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Kinh phí công đoàn	299.189.980	259.646.960
Bảo hiểm xã hội	220.378.899	-
Tiền ốm đau thai sản, tai nạn phải trả	29.078.000	271.787.728
Liên hiệp Hợp tác xã Vận tải TP.HCM (*)	-	1.000.000.000
Lãi vay phải trả cho Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Tp.HCM của:	-	314.009.080
- Liên hiệp hợp tác xã Vận tải TP.HCM	-	93.869.699
- Công ty TNHH Vận tải TP.HCM	-	220.139.381
Thù lao Hội đồng thành viên	295.000.000	-
Các khoản phải trả khác	54.298.074	401.991.000
	897.944.953	2.247.434.768

5.13.2 Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Ký quỹ đưa rước công nhân	574.000.000	564.000.000
Ký quỹ cho thuê mặt bằng	1.702.562.600	1.553.320.700
Ký quỹ khác	125.300.000	27.800.000
	2.401.862.600	2.145.120.700

5.14 Vay và nợ thuê tài chính

5.14.1 Vay ngắn hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn				
+ Vay Ngân hàng Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm (*)	10.276.740.560	10.276.740.560	21.775.632.970	21.775.632.970
Nợ dài hạn đến hạn trả				
+ Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP.HCM	5.495.216.000	5.495.216.000	25.188.115.491	25.188.115.491
Vay của Công ty	5.495.216.000	5.495.216.000	4.820.490.614	4.820.490.614
Vay hộ	-	-	20.367.624.877	20.367.624.877
	15.771.956.560	15.771.956.560	46.963.748.461	46.963.748.461

- (*) Vay ngắn hạn của Ngân hàng Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm theo hợp đồng vay số 037/2015-HĐTĐHM/NHCT903-XKSG ngày 06 tháng 4 năm 2015 như sau:
- + Hạn mức cho vay: 50.000.000.000 VND.
 - + Thời hạn duy trì hạn mức: từ ngày 06 tháng 4 năm 2015 đến ngày 05 tháng 4 năm 2016.
 - + Lãi suất: ghi theo từng giấy nhận nợ.
 - + Thời hạn cho vay: theo từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 3 tháng.
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
 - + Hình thức đảm bảo: quyền sử dụng đất và nhà ở tại 171 Điện Biên Phủ, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN
 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.14.2 Vay dài hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
Vay dài hạn				
+ Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP.HCM	15.111.840.000	15.111.840.000	40.299.955.491	40.299.955.491
<i>Vay của Công ty</i>	15.111.840.000	15.111.840.000	19.932.330.614	19.932.330.614
<i>Vay hộ</i>	-	-	20.367.624.877	20.367.624.877
Nợ dài hạn đến hạn trả	(5.495.216.000)	(5.495.216.000)	(25.188.115.491)	(25.188.115.491)
	9.616.624.000	9.616.624.000	15.111.840.000	15.111.840.000

Vay dài hạn của Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh theo các hợp đồng vay như sau:

- Hợp đồng số 168/2011/HĐTD-QĐT-TD ngày 22 tháng 7 năm 2011
 - + Thời hạn vay: 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
 - + Mục đích vay: Thực hiện dự án "Thí điểm đầu tư xe buýt sử dụng khí nén thiên nhiên trong vận tải hành khách công cộng tại Thành phố Hồ Chí Minh (giai đoạn 1).
 - + Lãi suất vay: 10,8%/năm, trong đó ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi vay theo từng thời điểm.
 - + Hình thức đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay.

5.15 Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	01/01/2015	Tăng quỹ từ lợi	Tăng quỹ từ	Sử dụng quỹ	31/12/2015
	VND	nhuận sau thuế	nguồn khác	trong năm	VND
		VND	VND	VND	
Quỹ khen thưởng	24.025.713.541	11.944.821.853	168.686.595	(12.950.462.014)	23.188.759.975
Quỹ phúc lợi	4.361.631.652	5.500.000.000	-	(3.890.133.163)	5.971.498.489
Quỹ khen thưởng ban điều hành	197.320.493	163.800.000	-	(1.725.000)	359.395.493
	28.584.665.686	17.608.621.853	168.686.595	(16.673.633.582)	29.519.653.957

5.16 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu và các quỹ

	Vốn đầu tư của	Quỹ đầu tư	Lợi nhuận	Cộng
	chủ sở hữu	phát triển	chưa phân phối	
	VND	("ĐTPT")	VND	VND
		VND		
Năm trước				
Số dư 01/01/2014	176.147.577.392	3.577.938.080	2.561.260.474	182.286.775.946
Lợi nhuận trong năm	-	-	16.556.677.708	16.556.677.708
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm	-	-	(19.117.938.182)	(19.117.938.182)
Số dư 31/12/2014	176.147.577.392	3.577.938.080	-	179.725.515.472
Năm nay				
Số dư 01/01/2015	176.147.577.392	3.577.938.080	-	179.725.515.472
Lợi nhuận trong năm	-	-	18.189.825.808	18.189.825.808
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm	-	-	(17.608.621.853)	(17.608.621.853)
Sử dụng quỹ ĐTPT trong năm (*)		(1.746.462.000)	-	(1.746.462.000)
Số dư 31/12/2015	176.147.577.392	1.831.476.080	581.203.955	178.560.257.427

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN
 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.16 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu và các quỹ (tiếp theo)

(*) Giảm tài sản cố định là đường Phở Quang, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh theo Công văn số 542/TCDN-NN của Chi cục Tài chính Doanh nghiệp ngày 23 tháng 4 năm 2015 về hướng dẫn điều chỉnh giảm tài sản và nguồn vốn sau khi bàn giao tuyến đường Phở Quang cho Nhà nước quản lý.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300478044, đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 6 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 19 tháng 11 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty là 185.000.000.000 VND.

5.17 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

a) Tài sản thuê ngoài

Căn cứ vào hợp đồng thuê đất của Công ty, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Trong vòng 1 năm	1.831.590.975	1.831.590.975
Trên 1 năm đến 5 năm	7.326.363.900	7.326.363.900
Trên 5 năm	31.926.708.691	33.758.299.666
	41.084.663.566	42.916.254.541

b) Nợ khó đòi đã xử lý:

	31/12/2015	01/01/2015
Phải thu các cá nhân	330.150.000	330.150.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng hóa	194.139.073.011	70.404.841.433
Doanh thu cung cấp dịch vụ	497.946.568.870	574.832.410.187
	692.085.641.881	645.237.251.620

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn bán hàng hóa	190.429.148.463	69.612.761.172
Giá vốn cung cấp dịch vụ	428.751.541.721	499.584.208.184
	619.645.731.119	569.196.969.356

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN
 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	145.433.101	167.314.474
Lợi nhuận được chia từ hợp tác kinh doanh	540.000.000	883.999.999
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	11.317.600	26.104.400
	696.750.701	1.077.418.873

6.4 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là chi phí xăng dầu phát sinh trong năm.

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nhân viên quản lý	17.858.608.939	20.297.044.830
Chi phí đồ dùng văn phòng	7.647.642.580	7.694.338.067
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.189.337.337	6.970.259.104
Thuế, phí và lệ phí	1.739.138.122	2.519.747.086
Tặng/ (Hoàn nhập) chi phí dự phòng	1.459.262.382	301.512.360
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.324.205.410	10.080.335.132
Chi phí bằng tiền khác	20.844.413.884	26.369.122.211
	65.062.608.654	74.232.358.790

6.6 Thu nhập khác

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	408.793.063	11.028.957.246
Thu nhập từ cho thuê mặt bằng	12.270.725.489	10.873.396.830
Thù lao từ Công ty Vận tải Ngôi Sao Sài Gòn	1.205.932.000	1.113.354.736
Thu nhập từ quảng cáo	899.204.545	-
Thu nhập khác	3.732.073.957	3.387.603.708
	18.516.729.054	26.403.312.520

6.7 Chi phí khác

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí khấu hao tài sản cho thuê mặt bằng	770.465.254	863.375.663
Tiền phạt	228.269.160	310.489.903
Chi phí khác	986.286.184	3.083.478.875
	1.985.020.598	4.257.344.441

8995.
 G TY
 M HUU
 TOAN
 T NA
 HO C

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN
 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận trước thuế theo kế toán	23.515.990.300	21.352.093.770
Điều chỉnh các khoản tăng/(giảm) lợi nhuận	260.961.758	445.251.967
Lợi nhuận tính thuế trong năm	23.776.952.058	21.797.345.737
Thuế suất thuế TNDN	22%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm	5.230.929.453	4.795.416.062
Bổ sung thuế TNDN theo quyết định thanh tra thuế 2012	56.432.232	-
Bổ sung thuế TNDN theo quyết toán thuế 2014	38.802.807	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.326.164.492	4.795.416.062

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn bán hàng hóa	190.429.148.463	69.612.761.172
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	193.352.651.760	230.150.597.540
Chi phí nhân công	157.145.226.721	192.155.619.943
Chi phí khấu hao tài sản cố định	33.132.863.203	63.378.221.376
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.653.217.621	26.551.444.489
Chi phí bằng tiền khác	60.156.408.584	75.134.238.788
	684.869.516.352	656.982.883.308

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan

Công ty có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV	Mua hàng hóa, dịch vụ	3.535.287.719	9.118.988.153
Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	Tiền dịch vụ bến bãi	613.374.551	588.195.126
Công ty TNHH MTV Bến xe Miền Đông	Tiền dịch vụ bến bãi	358.793.189	371.997.276
Công ty Cổ phần Bến bãi Sài Gòn	Tiền dịch vụ bến bãi	468.497.724	493.109.333

Số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tổng công ty Cơ Khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV (Samco)	Phải thu thương mại	707.577.000	783.000.000
	Ứng trước tiền hàng	-	449.000.000
	Kỳ quỹ bảo lãnh	2.747.608.000	2.747.608.000
Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	Kỳ quỹ thuê bến bãi	56.720.000	56.720.000
Công ty TNHH MTV Bến xe Miền Đông	Kỳ quỹ thuê bến bãi	37.560.000	36.925.000
Công ty Cổ phần Bến bãi Sài Gòn	Kỳ quỹ thuê bến bãi	60.078.750	60.078.750

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN

39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

7.2 Thu nhập của các thành viên Hội đồng Thành viên, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tiền lương và thù lao	<u>2.296.896.000</u>	<u>2.103.504.000</u>

7.3 Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới và thay đổi chính sách kế toán

Số dư đầu năm Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được trình bày lại theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	Số liệu đã trình bày 31/12/2014	Điều chỉnh tăng/(giảm)	Số liệu trình bày lại 01/01/2015
		VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác	136	62.072.776.299	3.168.226.859	65.241.003.158
Tài sản ngắn hạn khác	155	3.168.226.859	(3.168.226.859)	-
Phải thu dài hạn khác	216	-	2.952.320.400	2.952.320.400
Tài sản dài hạn khác	268	2.952.320.400	(2.952.320.400)	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	-	850.909.090	850.909.090
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	1.701.818.182	(850.909.090)	850.909.092

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	Mã số	Số liệu đã trình bày năm 2014	Điều chỉnh tăng/(giảm)	Số liệu trình bày lại năm 2014
		VND	VND	VND
Thu nhập khác	31	29.378.900.723	(2.975.588.203)	26.403.312.520
Chi phí khác	32	7.232.932.644	(2.975.588.203)	4.257.344.441

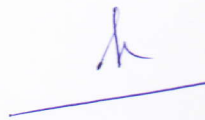
7.4 Thông tin khác

Theo Quyết định số 7164/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH Một thành viên Xe khách Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH Một thành viên thành Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn. Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 1263/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty đang làm các thủ tục có liên quan đến việc thực hiện chuyển đổi hình thức pháp lý theo Quyết định nêu trên.



NGUYỄN THỊ VÂN ANH
Người lập



PHẠM THỊ LỆ THU
Kế toán trưởng



ĐOÀN MINH TÂM
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2016